

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2022/HSST

Ngày: 11- 03- 2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Công Minh;

Bà Nguyễn Thị Phương Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành N - sinh ngày 22 tháng 02 năm 2002, tại tỉnh Tiền Giang; Tên gọi khác: Không có; Nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T, sinh năm 1970 và mẹ Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1965, hiện đang chấp hành án tại Trại giam về tội “Sử dụng tiền giả”; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: không; Tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/11/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Lê Thị Kim T2, sinh ngày 31/01/2006

Địa chỉ: Ấp T, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo pháp luật cho bị hại:

Chị **Nguyễn Thị T3**, sinh năm 1976 (mẹ)

Anh **Lê Thanh M**, sinh năm 1981 (cha)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại T2:* Bà **Bùi Thị Khánh Trang**, là trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Tiền Giang;

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*

1/ Chị **Nguyễn Thị T3**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp T, xã LD, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

2/ Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1970 (cha bị cáo N);

Nơi cư trú: Đội 8, xã MT, huyện KM, tỉnh Hải Dương

Chỗ ở: Ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

(Anh M, anh T có mặt; bị hại T2, chị T3 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2020 thông qua mạng xã hội Facebook Nguyễn Thành N và Lê Thị Kim T2 quen biết nhau và nảy sinh tình cảm nam nữ. Từ khoảng tháng 9 đến tháng 11 năm 2020 cả hai sống chung với nhau như vợ chồng tại nhà trọ “CT” tọa lạc ấp TA, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Tại đây N thực hiện hành vi giao cấu với T2 khoảng từ 1 đến 2 lần mỗi tuần, tổng cộng thực hiện khoảng 21 lần. Đến đầu tháng 11 năm 2020 thì T2 phát hiện mình có thai, nên gọi cho mẹ là Nguyễn Thị T3 biết. Đến tháng 4 năm 2021 chị T3 đến Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tố giác hành vi của Nguyễn Thành N.

Ngoài ra, N còn khai nhận vào khoảng tháng 6 năm 2020 N rủ T2 cùng đi Hà Nội chơi, trên đường đi cả hai đã ghé khách sạn ở tỉnh Long An và khách sạn ở thành phố Hồ Chí Minh (không nhớ tên và địa chỉ) tại đây cả hai quan hệ tình dục với nhau mỗi nơi một lần. Khi đến Hà Nội cả hai giao cấu với nhau hai lần tại nhà trọ (không nhớ tên) ở Ngõ AD, đường CV, Quận BTL, thành phố Hà Nội. Sau đó N dẫn T2 về nhà nội của mình thuộc Đội 8, xã MT, huyện KM, tỉnh Hải Dương ở đây cả hai giao cấu với nhau một lần tại phòng ngủ.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 01 ngày 04/12/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang đối với Lê Thị Kim T2 kết luận: Màng trinh: hình cột, giãn rộng, vết rách cũ vị trí 05 giờ, 09 giờ, 10 giờ. Siêu âm một phôi thai sống khoảng 10 tuần 05 ngày. Tìm không thấy xác tinh trùng.

Tại bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 14/21/ĐT ngày 19/01/2021 của Phân viện pháp y Quốc gia, phân viện tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Qua kết quả khám lâm sàng và xét nghiệm cận lâm sàng, sự phát triển thể chất của cơ thể, sự mọc răng và đặc điểm cốt hóa của các đầu xương đã liên hoàn toàn vào thân xương, xác định Nguyễn Thành N có độ tuổi từ đủ 19 năm đến 25 năm (tại thời điểm giám định ngày 09/4/2021).

Tại bản kết luận giám định gen (AND) số 4360/C09B ngày 15/11/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an kết luận: Nguyễn Thành N và Lê Thị Kim T2 có quan hệ huyết thống cha- mẹ-con với cháu bé do Lê Thị Kim T2 sinh ra ngày 04/7/2021 tại Bệnh viện phụ sản Tiền Giang.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và gia đình không yêu cầu bị cáo N bồi thường thiệt hại. Về trách nhiệm nuôi con phụ thuộc vào khả năng của N.

Tại Bản cáo trạng số 20/CT-VKSCT ngày 28/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo Nguyễn Thành N về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến 16 tuổi” được quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại là anh Lê Thanh M, tại phiên tòa trình bày: Không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định pháp y về tình dục, kết luận giám định pháp y về độ tuổi và kết luận giám định gen (AND), thống nhất với bản cáo trạng. Về trách nhiệm hình sự đề nghị giải quyết đúng theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường, chỉ yêu cầu bị cáo N cấp dưỡng nuôi con chung với bị hại T2 mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định pháp y về tình dục, kết luận giám định pháp y về độ tuổi và kết luận giám định gen (AND). Thống nhất với tội danh mà bản cáo trạng đã nêu. Về việc bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường bị cáo đồng ý. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, bị cáo đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn T trình bày: đối với số tiền 3.000.000 đồng mà anh đưa cho chị Nguyễn Thị T3 để đưa bị hại T2 đi khám thai, anh không yêu cầu bị cáo N hoàn trả lại.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành kết luận bị cáo Nguyễn Thành N phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a,d khoản 2 Điều 145; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Thành N từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; Về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét; Về cấp dưỡng nuôi con đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các bên, bị cáo N phải cấp dưỡng nuôi con chung với bị hại T2 mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu bé trưởng thành. Thời gian thực hiện cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thành N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý là bà Bùi Thị Khánh Trang bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: Thống nhất với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, truy tố bị cáo Nguyễn Thành N về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” được quy định tại các điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự; Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hình phạt đối với bị cáo N đúng qui định pháp luật; Về trách nhiệm dân sự đại diện bị hại không

yêu cầu bị cáo bồi thường. Về cấp dưỡng nuôi con đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con chung giữa bị cáo N với người đại diện theo pháp luật của bị hại, mỗi tháng bị cáo N phải cấp dưỡng nuôi con chung với bị hại T2 là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu bé do bị hại T2 sinh ra tròn 18 tuổi.

Người đại diện hợp pháp của bị hại không trình bày, bổ sung ý kiến gì thêm. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không tranh luận gì.

Bị cáo không tranh luận gì với quan điểm của Viện kiểm sát, chỉ yêu cầu xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo đã nhận thức rõ hành vi sai trái của mình và rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thành N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, sự thừa nhận này còn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Thông qua mạng xã hội Facebook Nguyễn Thành N và Lê Thị Kim T2 quen biết nhau và nảy sinh tình cảm nam nữ. Từ khoảng tháng 9 đến tháng 11 năm 2020 cả hai sống chung với nhau như vợ chồng tại nhà trọ “CT” tọa lạc ấp TA, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, tại đây Nhân thực hiện hành vi giao cấu với T2 khoản 1 đến 2 lần mỗi tuần, tổng cộng thực hiện khoản 21 lần. Đến đầu tháng 11 thì T2 phát hiện mình có thai. Tại thời điểm này T2 chưa đủ 15 tuổi. Do đó có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thành N phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến 16 tuổi” được quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố.

[3] Về hành vi phạm tội: Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền nhân thân của con người được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã thành niên đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi giao cấu nhiều lần nhằm mục đích để thỏa mãn dục vọng của mình, dẫn đến bị hại có thai. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm và tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Về nhân thân bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng, không có. Về tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự thú, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về Trách nhiệm dân sự: Xét thấy tại phiên tòa hôm nay, anh Lê Thanh M là người đại diện theo pháp luật cho bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Thanh M đại diện theo pháp luật cho bị hại T2, yêu cầu bị cáo N cấp dưỡng nuôi cháu bé (gái) do bị hại T2 sinh ra vào ngày 04/7/2021 mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu bé trưởng thành. Thời gian thực hiện cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy yêu cầu của Anh M là có cơ sở. Bởi lẽ bé gái do bị hại T2 sinh ra vào ngày 04/7/2021 tại Bệnh viện phụ sản Tiền Giang có quan hệ huyết thống cha - mẹ - con với Nguyễn Thành N và Lê Thị Kim T2 (theo bản kết luận giám định gen (AND) số 4360/C09B ngày 15/11/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an). Bị cáo đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với bị hại T2 theo yêu cầu như trên. Nhận thấy sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Ông Trương Văn Thanh không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 3.000.000 đồng là tiền chi phí khám thai cho bị hại T2, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự là 300.000 đồng.

Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát phân tích tính chất mức độ phạm tội, đặc điểm nhân thân, tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là có cơ sở phù hợp với qui định của pháp luật. Tuy nhiên việc bị cáo phạm tội, một phần cũng do cả gia đình hai bên thiếu sự quan tâm chăm sóc con cái, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên xử phạt bị cáo với mức án thấp hơn mức án Đại diện viện kiểm sát đề nghị cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Xét lời trình bày ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Lê Thị Kim T2 là bà Bùi Thị Khánh Trang là có cơ sở phù hợp với quy định pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành N phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến 16 tuổi”.

- Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành N **03 (ba) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam 30/11/2021.

2. Về cấp dưỡng nuôi con:

- Căn cứ Điều 107, Điều 110 của Luật hôn nhân gia đình;

Ghi nhận sự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con, giữa anh Lê Thanh M đại diện theo pháp luật của bị hại Lê Thị Kim T2 với bị cáo N. Bị cáo N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành. Thời gian thực hiện cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung của bị cáo với Lê Thị Kim T2 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động để tự nuôi bản thân.

Nếu bị cáo N vi phạm thời hạn cấp dưỡng nuôi con như đã cam kết, Lê Thị Kim T2 có quyền yêu cầu thi hành án đối với số tiền bị cáo phải cấp dưỡng nuôi con, nếu bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án, theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Về án phí:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Bị cáo Nguyễn Thành N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300 đồng án phí dân sự sơ thẩm,

Bị cáo, bị hại, người đại diện theo pháp luật của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị T3, vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện theo pháp luật của bị hại;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trịnh Phan Minh Trâm